TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 580/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 03 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 589/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Ngọc D, sinh năm 1977
- Bà Đinh Thụy Phương Đ, sinh năm 1978

Cùng thường trú tại: Số X đường Ngô Đức K, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cùng tạm trú tại: Số Y Huỳnh Tấn P, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Ngọc D và bà Đinh Thụy Phương Đ được xác lập vào năm 2001, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự hiện đang cư trú tại Quận 7 và có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là việc thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Sau khi sống chung giữa ông Lê Ngọc D và bà Đinh Thụy Phương Đ có phát sinh mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa ông Lê Ngọc D và bà Đinh Thụy Phương Đ đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Lê Ngọc D và bà Đinh Thụy Phương Đ là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung:

Trong quá trình chung sống các đương sự xác nhận có hai con chung họ và tên: Lê Thụy Bích N (nữ), sinh ngày 25/4/2008 và Lê Thụy Bảo N (nữ) sinh ngày 25/9/2003.

Sau khi thuận tình ly hôn các đương sự thống nhất giao hai con chung trên cho ông Lê Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, bà Đinh Thụy Phương Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thụy Phương Đ và ông Lê Ngọc D thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận hôn nhân số 201 do Ủy ban nhân dân phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2001).

- Về con chung: Bà Đinh Thụy Phương Đ và ông Lê Ngọc D xác nhận có hai con chung họ và tên Lê Thụy Bích N (nữ), sinh ngày 25/4/2008 và Lê Thụy Bảo N (nữ) sinh ngày 25/9/2003.

Sau khi thuận tình ly hôn bà Đinh Thụy Phương Đ và ông Lê Ngọc D thống nhất thỏa thuận: Ông Lê Ngọc D là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung. Bà Đinh Thụy Phương Đ không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Bà Đinh Thụy Phương Đ có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

-Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0031529 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK.Loan).

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Hiếu